

NÂNG CAO NĂNG LỰC TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN HIỆN NAY

✎ LÊ TỐ ANH*

Ngày nhận: 11/02/2023

Ngày phản biện: 10/3/2023

Ngày duyệt đăng: 20/3/2023

Tóm tắt: Qua nghiên cứu lý luận và thực tiễn, có thể thấy rằng, tự học có vai trò rất quan trọng đối với hoạt động nhận thức, phát triển và hoàn thiện nhân cách của con người. Trong đào tạo đại học, việc tự học của sinh viên càng có vai trò to lớn, được coi là nhân tố quyết định đến chất lượng giáo dục. Hiện nay, năng lực tự học của sinh viên Việt Nam chưa cao. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này, gồm cả nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan. Vì thế, nâng cao năng lực tự học của sinh viên là đòi hỏi cấp thiết đối với giáo dục đại học ở nước ta hiện nay. Trong bài viết này, tác giả khái quát những vấn đề lý luận chung về nâng cao năng lực tự học của sinh viên. Từ đó, bước đầu đưa ra một số hoạt động nhằm nâng cao năng lực tự học của sinh viên hiện nay.

Từ khóa: *Gâng cao; năng lực tự học; sinh viên.*

IMPROVING TODAY STUDENTS'S SELF-STUDY CAPACITY

Abstract: Through theoretical and practical research, it can be seen that self-study plays a very important role in cognitive activities, development and perfection of human personality. In higher education, students' self-study plays an even bigger role, which is considered a decisive factor in the quality of education. Currently, the self-study ability of Vietnamese students is not effective. There are many reasons for this, both subjective and objective. Therefore, improving students' self-study ability is an urgent requirement for higher education in our country today. In this article, the author gives general theoretical issues on improving students' self-study ability. Thereby, initially introduces a number of activities to improve the self-study ability of current students.

Key word: *Improving; self-learning competence; student.*

1. Đặt vấn đề

Lý luận và thực tiễn đều chỉ ra rằng, tự học có vai trò rất quan trọng trong hoạt động nhận thức, phát triển và hoàn thiện nhân cách của con người. Trong đào tạo đại học, việc tự học của sinh viên càng có vai trò to lớn, được coi là nhân tố quyết định đến chất lượng giáo dục. Bởi đây là bậc học trang bị cho sinh viên trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, chủ yếu sử dụng các phương pháp dạy học hiện đại, nêu vấn đề, thảo luận, làm việc nhóm... để tăng cường khả năng tư duy, tính chủ động, sáng tạo, tự giác của sinh viên. Với đặc thù như vậy, trên lớp giảng viên chỉ định hướng, cung cấp tài liệu, phương pháp giải quyết vấn đề, còn lại sinh viên phải tự học ở nhà, hoàn thành các yêu cầu giảng viên giao. Do đó, hơn bao giờ hết, việc tự học càng quan trọng. Hiện nay, năng lực tự học của sinh viên nói chung chưa cao. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này, gồm cả nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan. Vì thế, nâng cao năng lực tự học của sinh viên là đòi hỏi cấp thiết đối với giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay.

2. Một số vấn đề lý luận chung về nâng cao năng lực tự học của sinh viên

2.1. Các khái niệm liên quan

Khái niệm “năng lực tự học”: Để đi đến khái niệm “năng lực tự học”, trước hết cần phải hiểu năng lực là gì, tự học là gì. Về “năng lực”. Đây là phạm trù được bàn đến trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội và có nhiều cách tiếp cận, định nghĩa khác nhau. Theo Từ điển Tiếng Việt “Năng lực là khả năng, điều kiện chủ quan hoặc tự nhiên sẵn có để thực hiện một hành động nào đó” [4, tr.816]. Như vậy, có thể hiểu, năng lực là khả năng thực hiện thành công hoạt động nhờ sự huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng, hứng thú, niềm tin, ý chí... của mỗi người. Về “tự học”, cũng có nhiều cách tiếp cận, lý giải khác nhau. Theo tác giả Lê Khánh Bằng: “Tự học là tự mình suy nghĩ, sử dụng các năng lực trí tuệ, các phẩm chất tâm lí để chiếm lĩnh một lĩnh vực khoa học nhất định” [2]. Tham khảo quan niệm trên, tác giả cho rằng tự học là việc mỗi cá nhân tự tìm kiếm kiến thức bằng cách

* Trường Đại học Công đoàn

học hỏi từ thầy cô, bạn bè, nghiên cứu sách báo, quan sát thực tế, biến kiến thức trong sách vở, cuộc sống thành của riêng mình.

Từ cách hiểu về “năng lực”, “tự học” như trên, tác giả đưa ra khái niệm về “năng lực tự học” như sau: Năng lực tự học là người học sử dụng khả năng tư duy, điều kiện chủ quan, phẩm chất cá nhân (cần cù, trung thực, hiếu học...) để tích cực, chủ động học tập, nghiên cứu, khám phá sách vở, giáo trình, thực tiễn cuộc sống... nhằm nắm vững kiến thức, biến kiến thức của người khác thành của riêng mình, ứng dụng kiến thức đó vào thực tiễn mà không phụ thuộc vào sự thúc giục của bất cứ ai.

Khái niệm “sinh viên”: Từ điển Tiếng Việt (2000) của Viện ngôn ngữ học, cho rằng: “Sinh viên là những người học ở bậc đại học”. Theo Luật Giáo dục Việt Nam năm 2019, sinh viên là người đang học tại trường cao đẳng, trường đại học. Trong Quy chế công tác học sinh, sinh viên trong các trường đại học, cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 1993: “Sinh viên là người đang học trong hệ đại học và cao đẳng” [1, tr. 6]. Mặc dù tiếp cận, lý giải khác nhau, nhưng các quan niệm trên đều lột tả bản chất của khái niệm sinh viên là: Những người đang theo học tại các trường cao đẳng, đại học.

Khái niệm “năng lực tự học của sinh viên”: Từ khái niệm “Năng lực tự học” và khái niệm “Sinh viên” được nêu ở trên, có thể nhận thấy khái niệm “Năng lực tự học của sinh viên” là: “Khả năng tự mình học tập, nghiên cứu để chiếm lĩnh tri thức, hoàn thành nhiệm vụ học tập của người học tại các trường đại học, cao đẳng”.

2.2. Biểu hiện năng lực tự học của sinh viên

Để đưa ra các hoạt động hiệu quả nhằm nâng cao năng lực tự học cho sinh viên, cần phải chỉ ra biểu hiện của nó trong thực tiễn. Qua nghiên cứu, tiếp thu thành tựu từ các công trình có liên quan, tác giả đưa ra những biểu hiện cụ thể về năng lực tự học của sinh viên như sau:

Xác định động cơ, mục đích học tập nghiêm túc, đúng đắn. Đối với sinh viên, việc xác định động cơ, mục đích học tập nghiêm túc, đúng đắn là biểu hiện đầu tiên của năng lực tự học. Bởi lẽ, hơn ai hết, bản thân sinh viên phải hiểu được điều kiện gia đình, sở trường, sở đoản, khả năng, ý thức được bản thân mình cần gì, muốn đạt được điều gì, điều kiện để giúp mình thực hiện nguyện vọng. Việc xác định đúng động cơ, mục đích, giúp sinh viên phát huy được năng lực, niềm đam mê mà không cảm thấy mệt mỏi, chán ngán.

Ý thức học tập trên lớp nghiêm túc: Mặc dù trên lớp có giảng viên dạy, nhưng nếu sinh viên không có ý thức tự học sẽ lơ là, không chú ý, không ghi chép, làm việc riêng, thậm chí ngủ gật, chơi điện tử... Khi sinh viên xác định được động cơ, mục đích học tập nghiêm túc, đúng đắn sẽ chi phối đến ý thức học tập trên lớp. Ý thức được việc học là vì bản thân, sinh viên sẽ thấy thời gian học trên lớp là không nhiều so với khối lượng kiến thức cần được trang bị. Từ đó, sinh viên biết tận dụng tối đa thời gian đó để học tập, rèn luyện, tự giác, chăm chỉ đi học, lắng nghe thầy cô giảng, chủ động ghi chép, tích cực làm bài tập, sôi nổi thảo luận, chủ động trao đổi, đặt câu hỏi với giảng viên và bạn bè.

Chủ động tìm kiếm giáo trình, tài liệu: Đối với bất cứ môn học nào, giáo trình, bài giảng của giảng viên trên lớp cũng chưa thể chuyển tải hết được nội dung, mà ở đó là những nội dung cơ bản, định hướng để tiếp cận và giải quyết vấn đề. Muốn hiểu thấu đáo, sâu rộng, sinh viên phải chủ động tìm kiếm nguồn giáo trình, tài liệu liên quan. Trên cơ sở giáo trình chuẩn, định hướng của giảng viên, sinh viên chủ động tìm kiếm tài liệu khác là thể hiện năng lực tự học, không thụ động, rập khuôn, không đơn điệu chỉ phụ thuộc vào những gì thầy giảng trên lớp hoặc lý thuyết sẵn có trong giáo trình.

Tự giác, sáng tạo trong học tập ngoài giờ học trên lớp: Với sinh viên, giờ học trên lớp có hạn, trong khi kiến thức lại mênh mông. Thời gian trên lớp, dù có tập trung đến mấy cũng không thể giúp sinh viên nắm vững được đầy đủ kiến thức. Do vậy, cần phải được củng cố, bổ sung, ghi nhớ ngoài giờ học trên lớp. Việc sinh viên tự giác ôn bài, làm bài tập, đi thư viện học, đọc sách, làm việc nhóm... là biểu hiện của năng lực tự học.

Tích cực, chủ động tham gia các cuộc thi, phong trào, sân chơi do khoa, bộ môn, Nhà trường, đoàn thanh niên, hội sinh viên tổ chức: Hiện nay, rất nhiều nhà trường chú trọng đến việc đa dạng hóa hình thức học tập bằng cách tổ chức các cuộc thi, sân chơi, phong trào để thu hút, phát huy sức sáng tạo của sinh viên, giúp sinh viên dễ tiếp thu kiến thức, không bị nhàm chán với những phương pháp quen thuộc trên lớp. Khi tham gia, sinh viên phải chuẩn bị nội dung, lên kịch bản, tìm tài liệu, ôn luyện... là thể hiện năng lực tự học phong phú, cao độ.

Thường xuyên nghiên cứu khoa học: Học tập là một quá trình, không đơn thuần chỉ là học thuộc

những gì trong giáo trình và bài giảng của thầy cô. Việc thường xuyên nghiên cứu khoa học, cho thấy sinh viên không dừng lại ở việc học giáo trình, bài giảng của thầy cô mà muốn tìm tòi, khám phá, sáng tạo thêm cái mới, ở học phần đó hoặc vấn đề có liên quan. Khi chủ động nghiên cứu khoa học, sinh viên phải tìm kiếm đề tài, phương pháp nghiên cứu, nguồn tư liệu... phù hợp với chuyên môn, năng lực, tìm kiếm thầy cô hướng dẫn đúng chuyên ngành.

Chủ động, sáng tạo ứng dụng kiến thức đã học vào thực tiễn: Học phải đi đôi với hành thì việc học mới có giá trị. Nếu sinh viên chỉ học lý thuyết, thuộc, nắm vững lý thuyết rồi để đấy thì việc học không có giá trị, kiến thức đã học chỉ là những lý luận suông. Việc sinh viên chủ động, sáng tạo ứng dụng kiến thức đã học vào cuộc sống cho thấy sinh viên không thụ động, rập khuôn mà đã khám phá, giải quyết vấn đề một cách triệt để, đúng quy luật.

2.3. Những nhân tố tác động đến năng lực tự học của sinh viên

Có nhiều nhân tố tác động đến năng lực tự học của sinh viên, gồm nhân tố bên trong và nhân tố bên ngoài.

Nhân tố bên trong (bản thân sinh viên): Có nhiều yếu tố tác động đến năng lực tự học như sức khỏe, nhận thức, nền tảng kiến thức cơ bản, năng lực tư duy bẩm sinh. Sinh viên có sức khỏe tốt, sẽ không ngại suy nghĩ, tìm tòi, hăng hái đi học, nghiên cứu, khám phá. Nếu sinh viên nhận thức được học là cho mình, sẽ tự giác học tập, không để ai nhắc nhở, ép buộc. Sinh viên được trang bị đầy đủ kiến thức cơ bản từ bậc phổ thông, khi lên đại học sẽ thuận lợi cho việc tiếp thu kiến thức mới. Trước một vấn đề, vì thông minh sẵn có nên sinh viên tư duy nhanh, sớm có kết quả, sẽ có tác dụng kích thích sự tìm tòi, nghiên cứu cho những lần sau.

Nhân tố bên ngoài bao gồm:

Nội dung, chương trình học tập: Nội dung chương trình phù hợp, sinh viên thấy việc học đó là cần thiết với cuộc sống, công việc sau này, với sở trường của mình, sẽ tích cực, hứng thú trong học tập để tích lũy kiến thức, thể hiện khả năng, rèn luyện kỹ năng. Nếu nội dung chương trình không phù hợp hoặc giàn trải, lan man sẽ làm cho sinh viên thấy việc học là lãng phí, không cần thiết nên không cần học, dần dần dẫn đến lười học.

Cơ sở vật chất phục vụ học tập, môi trường xung quanh: Cơ sở vật chất phục vụ việc học tập là giảng đường, giáo trình, tài liệu, trang thiết bị, thư viện, phòng đọc, phòng tự học, sân vận động, nhà giáo

dục thể chất, nhà văn hóa... Tất cả những cơ sở này được trang bị đầy đủ, hiện đại, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên sẽ làm cho sinh viên hứng thú, thích học. Môi trường xung quanh rộng rãi, thoáng mát, sạch đẹp, sinh viên có không gian vui chơi, tư duy, sáng tạo, cũng kích thích năng lực tư duy, sáng tạo. Quan hệ giảng viên với sinh viên, sinh viên với sinh viên thân thiện, gần gũi, lành mạnh làm cho sinh viên yêu tâm, tin tưởng, tạo động lực thúc đẩy sinh viên tự học.

Chất lượng giảng viên: Bao gồm nhiều yếu tố như sức khỏe, phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, kỹ năng sư phạm, phương pháp giảng dạy... Nếu người giảng viên hội tụ đầy đủ các yếu tố trên và ở cấp độ cao, sẽ tạo thành tấm gương khiến sinh viên ngưỡng mộ, kính nể, khích lệ sinh viên phấn đấu, noi theo. Trong quá trình sinh viên học tập, nếu gặp khó khăn, hay bế tắc sẽ có người giúp các em tháo gỡ một cách hiệu quả, kích thích sinh viên hứng thú học tập.

Vai trò quản lý, kiểm tra của khoa chủ quản và các phòng chức năng: Việc kiểm tra, trước hết, làm cho sinh viên sợ mà học. Nếu được tiến hành thường xuyên sẽ hình thành ở sinh viên thói quen phải học tập mọi nơi, mọi lúc, dần xác lập năng lực tự học. Qua kiểm tra, sẽ biết sinh viên gặp khó khăn gì trong quá trình học tập để giúp đỡ. Nếu không kiểm tra, không biết, khi sinh viên gặp khó khăn, không có người giúp đỡ, làm cho sinh viên chán nản, ngại học rồi lười học, việc tự học đã thấp lại càng đi xuống.

Hoạt động hỗ trợ học tập của đoàn thanh niên, hội sinh viên: Đây là nơi sinh viên cởi mở thể hiện khả năng, nguyện vọng, cống hiến, tham gia các hoạt động vui chơi giải trí, văn hóa thể thao, rèn luyện kỹ năng... Cùng trang lứa sinh hoạt, trao đổi với nhau, hiệu quả sẽ cao hơn. Hoạt động hỗ trợ của các tổ chức này giúp cho sinh viên cảm thấy không đơn độc mà luôn có người đồng hành mỗi khi gặp khó khăn. Do vậy, sẽ giúp sinh viên có động lực, quyết tâm, thúc đẩy sinh viên tìm tòi, sáng tạo.

Lãnh đạo nhà trường: Hoạt động tự học của sinh viên có được tăng cường, phát huy hay không phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố này. Bởi họ là người thực thi chính sách của Nhà nước, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cả giảng viên và sinh viên. Trong quá trình dạy - học, nếu giảng viên và sinh viên phát hiện bất cứ vấn đề gì có thể làm giảm hoặc nâng cao năng lực tự học của sinh viên mà người lãnh đạo biết tiếp thu, lắng nghe, kiểm tra, đưa ra

giải pháp để thực hiện, làm cho sinh viên thấy được quan tâm, sẽ yên tâm, tin tưởng học tập, sáng tạo, chắc chắn năng lực tự học sẽ nâng lên.

3. Một số hoạt động nâng cao năng lực tự học của sinh viên hiện nay

Nâng cao năng lực tự học của sinh viên là nâng cao các nội dung thuộc năng lực tự học và chất lượng các yếu tố tác động đến năng lực tự học. Để nâng cao năng lực tự học của sinh viên hiện nay, tác giả cho rằng cần tổ chức tốt một số hoạt động sau đây:

Từ phía sinh viên: Phải khẳng định rằng bản thân sinh viên đóng vai trò quyết định trong việc nâng cao năng lực tự học của mình.

Thứ nhất, sinh viên cần nâng cao nhận thức đúng đắn, rõ ràng về mục đích, động cơ học tập. Nhận thức đúng thì hành động mới đúng. Nhưng không phải sinh viên nào cũng nhận thức đúng đắn vấn đề này. Vậy, làm thế nào để nâng cao nhận thức này của sinh viên? Một phần bản thân sinh viên phải tự ý thức. Bên cạnh đó là sự động viên, giúp đỡ, định hướng của gia đình, thầy cô, bạn bè. Khi thấy sinh viên không xác định được động cơ hoặc xác định động cơ lệch lạc, phải kịp thời chỉ ra và uốn nắn ngay.

Thứ hai, sinh viên cần hình thành thói quen học tập tự giác mọi lúc, mọi nơi. Để có thói quen tự giác học, sinh viên phải rèn luyện hàng ngày, từ học trên lớp đến ở nhà, thư viện. Trên lớp phải tự ý thức nghe giảng, ghi chép, làm bài tập. Ở nhà phải tự sắp xếp thời gian, lên thời khóa biểu cho việc học tập. Chủ động đi thư viện tìm tài liệu, học bài... Ngoài sự nỗ lực của bản thân sinh viên, cần có sự kiểm tra, giám sát của gia đình, nhà trường, bạn bè, thầy cô. Ở nhà, gia đình phải luôn nhắc nhở, động viên. Đến trường thầy cô phải tăng cường kiểm tra, giám sát. Ở thư viện, ký túc xá, hình thành các lực lượng hỗ trợ, nhắc nhở. Cứ rèn luyện mỗi ngày như vậy, sẽ hình thành thói quen, ý thức tự giác.

Thứ ba, sinh viên cần nâng cao năng lực trí tuệ, tư duy, rèn luyện khả năng tự học. Năng lực trí tuệ, tư duy không chỉ phụ thuộc vào tư chất bẩm sinh mà còn ở việc kiên trì rèn luyện hàng ngày. Để nâng cao năng lực này, sinh viên cần thường xuyên đặt câu hỏi trước bất cứ vấn đề gì và đi tìm lời giải. Hoặc cùng vấn đề đó, lật đi lật lại để nghiên cứu, thể nào cũng sẽ phát hiện điểm mới. Bên cạnh đó, cần quan tâm chăm sóc, bồi dưỡng não bộ, tăng cường trí nhớ bằng cách rèn luyện sức khỏe, chế độ dinh dưỡng hợp lý. Việc tích cực học tập, rèn

luyện tư duy mạch lạc, chính xác, hệ thống, tư duy phê phán, tư duy sáng tạo, tìm ra cái bản chất là hết sức cần thiết để nâng cao năng lực tự học.

Thứ tư, sinh viên cần nâng cao khả năng tự học thông qua việc vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Việc vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn không chỉ thể hiện ở việc hoàn thành bài tập, mà cao hơn là biến tri thức nhận được trở nên có ích trong đời sống. Viết khóa luận, đi thực tập, hay đi làm thêm đúng chuyên môn ở những năm cuối cũng sẽ là những cơ hội để tôi luyện khả năng vận dụng kiến thức vào thực tế của sinh viên.

Từ phía giảng viên: Giảng viên là nhân tố rất quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp tới việc hình thành và phát triển năng lực tự học của sinh viên. Vì thế, cần nâng cao chất lượng giảng viên, cách thức làm tăng hiệu quả quá trình tương tác giữa giảng viên và sinh viên.

Thứ nhất, giảng viên cần thường xuyên nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp dạy học. Kiến thức là yếu tố quan trọng hàng đầu trong quá trình dạy học nên giảng viên phải được đào tạo bài bản, bồi dưỡng thường xuyên để nắm vững và cập nhật kiến thức. Có kiến thức sâu rộng nhưng không có phương pháp phù hợp, không biết sử dụng kết hợp nhiều phương pháp thì bài giảng cũng sẽ không sinh động, hấp dẫn. Do đó, giảng viên phải thường xuyên cập nhật phương pháp dạy học mới nhất để ứng dụng vào bài giảng. Khi có cả hai yếu tố này, việc giảng dạy chắc chắn sẽ có chất lượng, có sức lôi cuốn, biết khơi dạy cảm hứng, sinh viên sẽ hứng thú học tập, góp phần nâng cao năng lực tự học.

Thứ hai, giảng viên cần kết hợp nhiều phương pháp trong giảng dạy. Mỗi phương pháp có đặc thù, ưu điểm riêng, có thể vận dụng linh hoạt trong từng môn học. Đối với các ngành thuộc khoa học xã hội, phải sử dụng kết hợp nhiều phương pháp như: Thuyết trình, nêu vấn đề, gợi mở, tạo tình huống, thảo luận nhóm... Khi sử dụng phương pháp thuyết trình phải đổi mới theo hướng kích thích tính tích cực, sáng tạo của sinh viên, buộc sinh viên phải luôn động não, nghĩa là trong thuyết trình có nêu vấn đề, phát vấn... để sinh viên suy nghĩ, tự lý giải, tự liên hệ, vận dụng vào thực tiễn, qua đó làm cho lớp học sôi nổi và năng lực tự học của sinh viên cũng được bồi đắp.

Thứ ba, giảng viên cần tăng cường tổ chức cho sinh viên thảo luận. Đây chính là sử dụng phương pháp dạy học tích cực, thông qua trao đổi, chất

vấn, đối thoại giữa giảng viên với sinh viên, giữa sinh viên với sinh viên, buộc sinh viên phải tăng cường hoạt động tự học, tự nghiên cứu để thảo luận. Khi tiến hành thảo luận, giảng viên nên chia nhóm nhỏ, đưa ra nhiều câu hỏi cùng một lúc để tất cả sinh viên cùng tranh luận, buộc tất cả sinh viên phải động não, tìm câu trả lời. Bên cạnh đó, giảng viên cần giao cho sinh viên thuyết trình những phần không giảng, buộc sinh viên phải tự nghiên cứu, tự trình bày. Song, phương pháp này cũng có hạn chế là không đủ thời gian cho tất cả sinh viên thực hiện. Khắc phục tình trạng này, giảng viên nên yêu cầu bài thuyết trình ngắn gọn, đủ ý và đặt câu hỏi với các sinh viên không có cơ hội thuyết trình. Trong thảo luận, giảng viên cần khuyến khích chất vấn, tranh luận, lôi cuốn sự tham gia đông đảo của sinh viên. Kết thúc mỗi buổi, giảng viên có nhận xét, đánh giá tinh thần làm việc, chất lượng bài thuyết trình, chấm điểm để khuyến khích sinh viên, là cách làm gia tăng tinh thần học tập của sinh viên.

Thứ tư, giảng viên cần thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Việc đánh giá cả quá trình từ chuyên cần đi học, ý thức học tập trên lớp, làm bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi kết thúc học phần buộc sinh viên phải không ngừng học tập, rèn luyện. Qua kiểm tra, giám sát thường xuyên, giảng viên sẽ phát hiện kịp thời những biểu hiện lười học, thụ động của sinh viên để chấn chỉnh. Khi đánh giá, bài kiểm tra, bài thi không dừng lại ở việc xem xét mức độ thuộc bài, mà phải đánh giá cao sự hiểu biết bản chất vấn đề, năng lực tư duy và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Từ phía các khoa, bộ môn, phòng chức năng: Đây là các bộ phận thực hiện chức năng quản lý, giám sát, kiểm tra, đôn đốc, nắm bắt kịp thời tâm tư nguyện vọng, tình hình tự học của sinh viên. Vì vậy, cần:

Thứ nhất, chuyên môn hóa cán bộ chủ nhiệm lớp. Khi đó cần nêu rõ chức năng nhiệm vụ, yêu cầu đối với đội ngũ này. Cán bộ chủ nhiệm lớp tập trung quản lý, nắm bắt tình hình học tập rèn luyện của sinh viên, phải luôn tận tụy với công việc, sâu sát và gần bó với sinh viên, nắm vững quy chế, quy định của Nhà trường. Không nên giao cho cán bộ chủ nhiệm lớp nhiều việc, không giao một cán bộ chủ nhiệm nhiều lớp. Một người chủ nhiệm nhiều lớp, thì không thể sát sao đến từng lớp, chứ đừng nói đến từng sinh viên.

Thứ hai, xây dựng đội ngũ cán bộ cố vấn học tập hùng hậu, có chuyên môn sâu, đáp ứng với yêu cầu học tập của sinh viên. Mỗi trường đại học có nhiều ngành đào tạo. Mỗi ngành, sinh viên học rất nhiều học phần. Nên phải có một đội ngũ cố vấn học tập của tất cả các học phần, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của sinh viên. Một cố vấn học tập không thể đảm nhiệm nhiều học phần mà chỉ từ một đến vài học phần. Có như vậy kiến thức mới sâu, chắc chắn, việc hướng dẫn, định hướng cho sinh viên mới chất lượng. Một cố vấn mà nắm nhiều học phần, như cưỡi ngựa xem hoa thì việc chỉ bảo cho sinh viên hời hợt, không sâu, làm cho sinh viên nhầm lẫn, không hứng thú.

Thứ ba, thường xuyên và đa dạng hóa các hình thức kiểm tra việc tự học của sinh viên từ trên lớp đến ký túc xá, thư viện. Việc kiểm tra thường xuyên sẽ đưa sinh viên vào khuôn khổ, nề nếp. Đa dạng hóa các hình thức kiểm tra như trực tiếp trên lớp, ở ký túc xá, kiểm tra qua thiết bị giám sát, sản phẩm bài tập. Có kiểm tra thường xuyên, có kiểm tra đột xuất để sinh viên không tìm ra quy luật mà đối phó, bắt buộc sinh viên lúc nào cũng phải học. Lâu dần hình thành thói quen, năng lực tự học.

Thứ tư, tăng cường sự phối hợp giữa cán bộ chủ nhiệm, cố vấn học tập, giảng viên, cán sự lớp để kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở, kịp thời giải đáp những vướng mắc của sinh viên. Không phải lúc nào, sinh viên nào cũng tự giải đáp được thắc mắc mình gặp phải. Nhà trường cần có cơ chế, phương pháp về sự phối hợp giữa các lực lượng trên như: Thiết lập hệ thống trợ giúp sinh viên học tập gồm giảng viên - cố vấn học tập - cán bộ chủ nhiệm - cán sự lớp, phân định rõ nhiệm vụ của từng bộ phận. Khi cán bộ chủ nhiệm, cán sự lớp kiểm tra thấy sinh viên không hiểu bài, có thể ghi chép lại các vấn đề và gửi lên giảng viên, cố vấn học tập giải đáp; hoặc tổ chức các buổi giải đáp thắc mắc cho sinh viên.

Từ phía đoàn thanh niên, hội sinh viên

Thứ nhất, giúp sinh viên có nhận thức đúng đắn về mục đích học tập, về sự cần thiết phải tăng cường năng lực tự học ở bậc đại học. Việc làm này phải được tiến hành ngay từ khi sinh viên nhập học, chứ không để đến năm thứ 2, thứ 3. Bởi vì nhận thức này sẽ chi phối đến hành động học tập của sinh viên trong suốt 4 năm học. Vậy nên, ngay khi sinh viên vào trường, đoàn thanh niên, hội sinh viên phải tăng cường tổ chức các buổi tọa đàm, nói chuyện, giao lưu, khuyến khích sinh viên cởi mở

chia sẻ tâm tư, nguyện vọng, suy nghĩ, làm cho sinh viên hiểu rằng, học đại học, chủ yếu học phương pháp học. Trên cơ sở phương pháp được trang bị, sinh viên phải tự học để nắm được kiến thức. Qua đó, nắm bắt và uốn nắn kịp thời những sinh viên có động cơ, mục đích học tập không đúng đắn, không có ý thức tự giác. Trong suốt 4 năm học, đoàn và hội tiếp tục thông qua các hoạt động mà bồi dưỡng, củng cố động cơ học tập đúng đắn, ý thức tự giác học tập của sinh viên.

Thứ hai, khai thác ưu thế của các câu lạc bộ mà đoàn, hội phụ trách. Tổ chức đoàn thanh niên, hội sinh viên ở các nhà trường có thể phát huy lợi thế các câu lạc bộ, hoạt động để nâng cao năng lực tự học của sinh viên. Nên định kỳ sinh hoạt hàng tháng, mỗi tháng một chủ đề, có thể cho sinh viên tự chọn chủ đề. Việc tự chọn chủ đề buộc sinh viên phải nghiên cứu, tìm kiếm nội dung phù hợp. Khi chọn được chủ đề, sinh viên phải xây dựng kịch bản, tìm nội dung, cách thể hiện... tất cả các công việc đó đều rèn luyện, giúp nâng cao năng lực tự học của sinh viên.

Từ phía Lãnh đạo các trường

Thứ nhất, lãnh đạo các trường cần quan tâm hơn nữa đến việc nâng cao năng lực tự học của sinh viên. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục cho sinh viên ý thức tự học ngay từ năm thứ nhất, thông qua các hoạt động của tuần sinh hoạt công dân sinh viên đầu khóa và trong suốt quá trình sinh viên học tập tại trường. Giao cho các khoa chủ quản tổ chức hội thảo khoa học, tọa đàm, trao đổi về vấn đề nâng cao năng lực tự học của sinh viên, giúp sinh viên có phương pháp, kinh nghiệm để vận dụng vào quá trình tự học của bản thân.

Thứ hai, tăng cường hỗ trợ sinh viên tìm kiếm và khai thác tài liệu. Để tự học, không thể thiếu tài liệu mà hiện nay tài liệu nhiều nhà trường chưa đáp ứng yêu cầu học tập của sinh viên. Do vậy, phải trang bị thêm đầu sách và số lượng mỗi loại sách ở thư viện để sinh viên có thể mượn về nhà, có thể đọc tại chỗ. Đẩy mạnh thư viện online với nguồn tài liệu phong phú, cập nhật, liên kết thư viện các trường đại học với nhau, các thư viện trên cả nước, nhất là Thư viện Quốc gia, bảo đảm khai thác thuận tiện, dễ dàng.

Thứ ba, quan tâm, đầu tư hơn nữa về cơ sở vật chất phục vụ việc học tập của sinh viên. Phòng học, phòng đọc sách, phòng tự học phải được mở rộng, với môi trường yên tĩnh, tiện nghi. Nâng cấp trang thiết bị, bảo đảm hệ thống wifi, phòng máy dành

cho tra cứu trực tuyến luôn vận hành tốt. Những cơ sở phục vụ các sân chơi, câu lạc bộ, việc rèn luyện thể chất của sinh viên phải được đầu tư, mở rộng để sinh viên có nơi vui chơi, diễn tập, học nhóm, tư duy, sáng tạo.

Thứ tư, có các chính sách, hoạt động cổ vũ phong trào tự học trong sinh viên, động viên, khen thưởng những tấm gương tự học. Tự học là việc mà mỗi người phải ý thức và thực hiện. Nhưng nếu trở thành một phong trào, thu hút đông đảo sinh viên tham gia thì sức lan tỏa sẽ được nhân lên, chất lượng giáo dục sẽ cao hơn. Do vậy cần có chính sách cổ vũ phong trào tự học của sinh viên như cộng điểm chuyên cần, điểm rèn luyện cho sinh viên thường xuyên đến thư viện; bồi dưỡng ăn nhẹ khi học ở thư viện, trong mùa thi. Mỗi năm, các nhà trường nên tổng kết, tìm ra tấm gương tự học tiêu biểu để động viên, khen ngợi.

4. Kết luận

Nâng cao năng lực tự học của sinh viên hiện nay là một đòi hỏi thiết yếu, có vai trò đặc biệt quan trọng trong phương thức đào tạo theo tín chỉ. Năng lực tự học của sinh viên chịu sự tác động của các yếu tố bên trong thuộc về bản thân người học cũng như các yếu tố bên ngoài. Vì vậy, nâng cao năng lực tự học của sinh viên là nâng cao các yếu tố thuộc nội dung năng lực tự học và nâng cao tính tích cực của các yếu tố tác động đến năng lực tự học của sinh viên. Để nâng cao năng lực tự học của sinh viên, cần thực hiện đồng bộ nhiều hoạt động, từ bản thân sinh viên đến giảng viên, lãnh đạo nhà trường, đoàn thanh niên, hội sinh viên, trong đó bản thân sinh viên giữ vai trò quyết định. Trong phạm vi bài viết này, tác giả bước đầu đưa ra một số hoạt động nhằm nâng cao năng lực tự học của sinh viên hiện nay. □

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1993), *Quy chế công tác học sinh, sinh viên trong các trường đào tạo*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Lê Khánh Bằng (1993), *Tổ chức quá trình dạy học đại học*, Viện Nghiên cứu đại học và giáo dục chuyên nghiệp.
3. Nguyễn Yến Lê (2007), *Tự học - nhu cầu của thời đại*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
4. Hoàng Phê (2009), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng.
5. Vũ Trọng Rỹ (1994), *Một số vấn đề lý luận về rèn luyện kỹ năng học tập cho học sinh*, Viện Khoa học Giáo dục, Hà Nội.
6. Nguyễn Thị Xuân Thuý (2012), *Rèn luyện kỹ năng tự học tập cho sinh viên đáp ứng yêu cầu đào tạo theo học chế tín chỉ*, Tạp chí Giáo dục, số Đặc biệt 3/2012.